Lev

Chapter 8

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

1					
	וַיְדַבֵּר	יְהוָה	אֶל־	מֹשֶׁה	לֵּאמֹר׃
	và–phán	Đức–Giê-hô-va	đến	Môi-se	cho–nói
	H1696	H3068	H0413	H4872	H0559

> Đức Giê-hô-va phán cùng Môi-se rằng:

2												
	קַח	אֶת־	אַהֲרֹן	וְאֶת־	בָּנָיו	אִתּוֹ	וְאֵת	הַבְּגָדִים	וְאֵת	שֶׁמֶן	הַמִּשְׁחָה	וְאֵת
	lấy	—	A-rôn	và	các–con–trai	với–nó	và	áo	và	dầu	dầu–xức	và
	H3947	H0853	H0175	H0853		H0854	H0853		H0853	H8081		H0853
	פַּר	הַחַטָּאת	וְאֵת	שְׁנֵי	הָאֵילִים	וְאֵת	סַל	הַמַּצּוֹת׃				
	bò–đực–tơ	tội	và	hai	chiên–đực	và	giỏ	bánh–không–men				
	H6499		H0853	H8147		H0853	H5536	H4682				

> Hãy đem A-rôn cùng các con trai người, áo xống, dầu xức, con bò tơ làm của lễ chuộc tội, hai con chiên đực, và giỏ bánh không men;

3								
	וְאֵת	כָּל־	הָעֵדָה	הַקְהֵל	אֶל־	פֶּתַח	אֹהֶל	מוֹעֵד׃
	và	mọi	hội–chúng	nhóm–lại	đến	cửa	lều	hội–họp
	H0853	H3605	H5712	H6950	H0413	H6607	H0168	H4150

> rồi nhóm hiệp cả hội chúng tại cửa hội mạc.

4									
	וַיַּעַשׂ	מֹשֶׁה	כַּאֲשֶׁר	צִוָּה	יְהוָה	אֹתוֹ	וַתִּקָּהֵל	הָעֵדָה	אֶל־
	và–làm	Môi-se	như–như	truyền–lệnh	Đức–Giê-hô-va	nó	và–nhóm–lại	hội–chúng	đến
		H4872		H6680	H3068	H0853	H6950	H5712	H0413
	פֶּתַח	אֹהֶל	מוֹעֵד׃						
	cửa	lều	hội–họp						
	H6607	H0168	H4150						

> Môi-se bèn làm y như lời Đức Giê-hô-va phán dặn, hội chúng nhóm hiệp tại nơi cửa hội mạc.

5										
	וַיֹּאמֶר	מֹשֶׁה	אֶל־	הָעֵדָה	זֶה	הַדָּבָר	אֲשֶׁר־	צִוָּה	יְהוָה	לַעֲשׂוֹת׃
	và–nói	Môi-se	đến	hội–chúng	này	lời	mà	truyền–lệnh	Đức–Giê-hô-va	cho–làm
	H0559	H4872	H0413	H5712	H2088	H1697		H6680	H3068	

> Môi-se nói cùng hội chúng rằng: Đây là các điều Đức Giê-hô-va đã phán dặn làm theo.

6									
	וַיַּקְרֵב	מֹשֶׁה	אֶת־	אַהֲרֹן	וְאֶת־	בָּנָיו	וַיִּרְחַץ	אֹתָם	בַּמָּיִם׃
	và–dâng	Môi-se	—	A-rôn	và	các–con–trai	và–rửa	chúng	trong–nước
	H7126	H4872	H0853	H0175	H0853		H7364	H0853	H4325

> Đoạn, Môi-se biểu A-rôn và các con trai người lại gần, rồi lấy nước rửa họ.

7												
	וַיִּתֵּן	עָלָיו	אֶת־	הַכֻּתֹּנֶת	וַיַּחְגֹּר	אֹתוֹ	בָּאַבְנֵט	וַיַּלְבֵּשׁ	אֹתוֹ	אֶת־	הַמְּעִיל	וַיִּתֵּן
	và–đặt	trên–nó	—	הַכֻּתֹּנֶת	וַיַּחְגֹּר	nó	בָּאַבְנֵט	và–mặc	nó	với	הַמְּעִיל	và–đặt
	H5414		H0853	H3801	H2296	H0853	H0073	H3847	H0853	H0854	H4598	H5414
	עָלָיו	אֶת־	הָאֵפֹד	וַיַּחְגֹּר	אֹתוֹ	בְּחֵשֶׁב	הָאֵפֹד	וַיֶּאְפֹּד	לוֹ	בּוֹ׃		
	trên–nó	—	הָאֵפֹד	וַיַּחְגֹּר	nó	בְּחֵשֶׁב	הָאֵפֹד	וַיֶּאְפֹּד	cho–nó	—		
		H0853	H0646	H2296	H0853	H2805	H0646	H0640				

> Người mặc áo lá trong cho A-rôn, cột đai lưng, mặc áo dài, mặc ê-phót và cột đai ê-phót.

8

Hebrew	Gloss	Strong
וַיָּ֣שֶׂם	và–đặt	
עָלָ֔יו	trên–nó	
אֶת־	—	H0853
הַחֹ֑שֶׁן	הַחֹשֶׁן	H2833
וַיִּתֵּן֙	và–đặt	H5414
אֶל־	đến	H0413
הַחֹ֔שֶׁן	הַחֹשֶׁן	H2833
אֶת־	—	H0853
הָאוּרִ֖ים	U-rim	H0224
וְאֶת־	và	H0853
הַתֻּמִּֽים׃	הַתֻּמִּים׃	H8550

> Người cũng đeo bảng đeo ngực và gắn vào bảng u-rim và thu-mim,

9

Hebrew	Gloss	Strong
וַיָּ֥שֶׂם	và–đặt	
אֶת־	—	H0853
הַמִּצְנֶ֖פֶת	הַמִּצְנֶפֶת	H4701
עַל־	trên	
רֹאשׁ֑וֹ	đầu–nó	
וַיָּ֨שֶׂם	và–đặt	
עַל־	trên	
הַמִּצְנֶ֜פֶת	הַמִּצְנֶפֶת	H4701
אֶל־	đến	H0413
מ֣וּל	phía–trước	H4136
פָּנָ֗יו	mặt–nó	H6440
אֵ֠ת	—	H0853
צִ֣יץ	צִיץ	
הַזָּהָ֞ב	vàng	H2091
נֵ֣זֶר	sự–biệt–riêng	H5145
הַקֹּ֔דֶשׁ	nơi–thánh	H6944
כַּאֲשֶׁ֛ר	như–như	
צִוָּ֥ה	truyền–lệnh	H6680
יְהוָ֖ה	Đức–Giê-hô-va	H3068
אֶת־	—	H0853
מֹשֶֽׁה׃	Môi-se	H4872

> đội cái mão lên đầu, phía trước mão buộc thẻ vàng, tức là tràng thánh, y như lời Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

10

Hebrew	Gloss	Strong
וַיִּקַּ֤ח	và–lấy	H3947
מֹשֶׁה֙	Môi-se	H4872
אֶת־	—	H0853
שֶׁ֣מֶן	dầu	H8081
הַמִּשְׁחָ֔ה	dầu–xức	
וַיִּמְשַׁ֥ח	và–xức–dầu	H4886
אֶת־	—	H0853
הַמִּשְׁכָּ֖ן	đền–tạm	H4908
וְאֶת־	và	H0853
כָּל־	mọi	H3605
אֲשֶׁר־	mà	
בּ֑וֹ	—	
וַיְקַדֵּ֖שׁ	và–biệt–riêng–ra–thánh	H6942
אֹתָֽם׃	chúng	H0853

> Kế đó, Môi-se lấy dầu xức, xức cho đền tạm và các vật ở tại đó biệt riêng ra thánh,

11

Hebrew	Gloss	Strong
וַיַּ֥ז	và–rảy	
מִמֶּ֛נּוּ	từ–nó	
עַל־	trên	
הַמִּזְבֵּ֖חַ	bàn–thờ	H4196
שֶׁ֣בַע	bảy	H7651
פְּעָמִ֑ים	lần	H6471
וַיִּמְשַׁ֨ח	và–xức–dầu	H4886
אֶת־	—	H0853
הַמִּזְבֵּ֜חַ	bàn–thờ	H4196
וְאֶת־	và	H0853
כָּל־	mọi	H3605
כֵּלָ֗יו	đồ–dùng–nó	H3627
וְאֶת־	và	H0853
הַכִּיֹּ֛ר	הַכִּיֹּר	H3595
וְאֶת־	và	H0853
כַּנּ֖וֹ	כַּנּוֹ	H3653
לְקַדְּשָֽׁם׃	cho–biệt–riêng–ra–thánh–họ	H6942

> rảy dầu bảy lần trên bàn thờ và xức dầu cho bàn thờ cùng các đồ phụ tùng của bàn thờ, cái thùng và chân thùng, đặng biệt riêng ra thánh.

12

Hebrew	Gloss	Strong
וַיִּצֹק֙	và–đổ	H3332
מִשֶּׁ֣מֶן	từ–dầu	H8081
הַמִּשְׁחָ֔ה	dầu–xức	
עַ֖ל	trên	
רֹ֣אשׁ	đầu	
אַהֲרֹ֑ן	A-rôn	H0175
וַיִּמְשַׁ֥ח	và–xức–dầu	H4886
אֹת֖וֹ	nó	H0853
לְקַדְּשֽׁוֹ׃	cho–biệt–riêng–ra–thánh–nó	H6942

> Người cũng đổ dầu xức trên đầu A-rôn, xức cho người đặng biệt riêng ra thánh.

13

Hebrew	Gloss	Strong
וַיַּקְרֵ֨ב	và–dâng	H7126
מֹשֶׁ֜ה	Môi-se	H4872
אֶת־	—	H0853
בְּנֵ֣י	các–con–trai	
אַהֲרֹ֗ן	A-rôn	H0175
וַיַּלְבִּשֵׁ֤ם	và–mặc–họ	H3847
כֻּתֳּנֹת֙	כֻּתֳּנֹת	H3801
וַיַּחְגֹּ֤ר	וַיַּחְגֹּר	H2296
אֹתָם֙	chúng	H0853
אַבְנֵ֔ט	אַבְנֵט	H0073
וַיַּחֲבֹ֥שׁ	וַיַּחֲבֹשׁ	H2280
לָהֶ֖ם	cho–nó	
מִגְבָּע֑וֹת	מִגְבָּעוֹת	H4021
כַּאֲשֶׁ֛ר	như–như	
צִוָּ֥ה	truyền–lệnh	H6680
יְהוָ֖ה	Đức–Giê-hô-va	H3068
אֶת־	—	H0853
מֹשֶֽׁה׃	Môi-se	H4872

> Đoạn, Môi-se biểu các con trai A-rôn lại gần, mặc áo lá trong cho, cột đai, đội mão lên đầu, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

14
וַיַּגֵּשׁ và–đến–gần H5066
אֵת — H0853
פַּר bò–đực–tơ H6499
הַחַטָּאת tội
וַיִּסְמֹךְ và–đặt H5564
אַהֲרֹן A-rôn H0175
וּבָנָיו và–các–con–trai
אֶת־ — H0853
יְדֵיהֶם tay–họ H3027
עַל־ trên
רֹאשׁ đầu
פַּר bò–đực–tơ H6499
הַחַטָּאת׃ tội

> Người biểu đem con bò tơ dùng làm của lễ chuộc tội lại gần, A-rôn và các con trai người nhận tay mình trên đầu nó.

15
וַיִּשְׁחָט và–giết
וַיִּקַּח và–lấy H3947
מֹשֶׁה Môi-se H4872
אֶת־ — H0853
הַדָּם huyết H1818
וַיִּתֵּן và–đặt H5414
עַל־ trên
קַרְנוֹת sừng
הַמִּזְבֵּחַ bàn–thờ H4196
סָבִיב chung–quanh H5439
בְּאֶצְבָּעוֹ trong–ngón–tay–nó H0676
וַיְחַטֵּא và–phạm–tội H2398
אֶת־ — H0853
הַמִּזְבֵּחַ bàn–thờ H4196
וְאֶת־ và H0853
הַדָּם huyết H1818
יָצַק đổ H3332
אֶל־ đến H0413
יְסוֹד nền–móng H3247
הַמִּזְבֵּחַ bàn–thờ H4196
וַיְקַדְּשֵׁהוּ và–biệt–riêng–ra–thánh–nó H6942
לְכַפֵּר cho–chuộc–tội
עָלָיו׃ trên–nó

> Môi-se giết nó, lấy huyết, rồi dùng ngón tay bôi huyết trên chung quanh sừng của bàn thờ, làm cho bàn thờ nên thanh sạch; đoạn đổ huyết dưới chân bàn thờ; như vậy, người biệt bàn thờ riêng ra thánh, để làm lễ chuộc tội tại đó.

16
וַיִּקַּח và–lấy H3947
אֶת־ — H0853
כָּל־ mọi H3605
הַחֵלֶב mỡ H2459
אֲשֶׁר mà
עַל־ trên
הַקֶּרֶב lòng–ruột H7130
וְאֵת và H0853
יֹתֶרֶת tấm–mỡ–che H3508
הַכָּבֵד gan H3516
וְאֶת־ và H0853
שְׁתֵּי hai H8147
הַכְּלָיֹת trái–cật H3629
וְאֶת־ và H0853
חֶלְבְּהֶן mỡ–họ H2459
וַיַּקְטֵר và–đốt–xông
מֹשֶׁה Môi-se H4872
הַמִּזְבֵּחָה׃ bàn–thờ–nó H4196

> Người lấy hết thảy mỡ chài, tấm da mỏng bọc gan, hai trái cật với mỡ của hai trái cật, rồi đem xông trên bàn thờ.

17
וְאֶת־ và H0853
הַפָּר bò–đực–tơ H6499
וְאֶת־ và H0853
עֹרוֹ da–nó H5785
וְאֶת־ và H0853
בְּשָׂרוֹ thịt–nó H1320
וְאֶת־ và H0853
פִּרְשׁוֹ פִּרְשׁוֹ H6569
שָׂרַף đốt H8313
בָּאֵשׁ trong–lửa H0784
מִחוּץ từ–bên–ngoài H2351
לַמַּחֲנֶה cho–trại H4264
כַּאֲשֶׁר như–như
צִוָּה truyền–lệnh H6680
יְהוָה Đức–Giê-hô-va H3068
אֶת־ — H0853
מֹשֶׁה׃ Môi-se H4872

> Còn con bò, da, thịt và phẩn nó, thì người đem thiêu ở ngoài trại quân, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

18
וַיַּקְרֵב và–dâng H7126
אֵת — H0853
אֵיל chiên–đực
הָעֹלָה của–lễ–thiêu
וַיִּסְמְכוּ và–đặt H5564
אַהֲרֹן A-rôn H0175
וּבָנָיו và–các–con–trai
אֶת־ — H0853
יְדֵיהֶם tay–họ H3027
עַל־ trên
רֹאשׁ đầu
הָאָיִל׃ chiên–đực

> Người cũng biểu đem con chiên đực dùng làm của lễ thiêu lại gần, A-rôn và các con trai người nhận tay mình trên đầu nó;

19
וַיִּשְׁחָט và–giết
וַיִּזְרֹק và–rảy H2236
מֹשֶׁה Môi-se H4872
אֶת־ — H0853
הַדָּם huyết H1818
עַל־ trên
הַמִּזְבֵּחַ bàn–thờ H4196
סָבִיב׃ chung–quanh H5439

rồi Môi-se giết nó và rưới huyết chung quanh trên bàn thờ;

20

וְאֶת־	הָאַיִל	נִתַּח	לִנְתָחָיו	וַיַּקְטֵר	מֹשֶׁה	אֶת־	הָרֹאשׁ	וְאֶת־
và	chiên–đực	chặt	cho–phần–thịt–nó	và–đốt–xông	Môi-se	—	đầu	và
H0853		H5408	H5409		H4872	H0853		H0853

הַנְּתָחִים	וְאֶת־	הַפָּדֶר׃
phần–thịt	và	mỡ
H5409	H0853	H6309

đoạn sả thịt ra từ miếng, đem xông cái đầu, mấy miếng đó và mỡ.

21

וְאֶת־	הַקֶּרֶב	וְאֶת־	הַכְּרָעַיִם	רָחַץ	בַּמָּיִם	וַיַּקְטֵר	מֹשֶׁה	אֶת־	כָּל־
và	lòng–ruột	và	chân	rửa	trong–nước	và–đốt–xông	Môi-se	—	mọi
H0853	H7130	H0853	H3767	H7364	H4325		H4872	H0853	H3605

הָאַיִל	הַמִּזְבֵּחָה	עֹלָה	הוּא	לְרֵיחַ־	נִיחֹחַ	אִשֶּׁה	הוּא
chiên–đực	bàn–thờ–nó	của–lễ–thiêu	ấy	cho–mùi	thơm	của–lễ–dùng–lửa	ấy
	H4196		H1931	H7381	H5207	H0801	H1931

לַיהוָה	כַּאֲשֶׁר	צִוָּה	יְהוָה	אֶת־	מֹשֶׁה׃
cho–Đức–Giê-hô-va	như–như	truyền–lệnh	Đức–Giê-hô-va	—	Môi-se
H3068		H6680	H3068	H0853	H4872

Người lấy nước rửa bộ lòng và giò, rồi xông trọn con chiên đực trên bàn thờ; ấy là một của lễ thiêu có mùi thơm, tức một của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn Môi-se.

22

וַיַּקְרֵב	אֶת־	הָאַיִל	הַשֵּׁנִי	אֵיל	הַמִּלֻּאִים	וַיִּסְמְכוּ	אַהֲרֹן	וּבָנָיו
và–dâng	—	chiên–đực	thứ–hai	chiên–đực	lễ–phong–chức	và–đặt	A-rôn	và–các–con–trai
H7126	H0853		H8145		H4394	H5564	H0175	

אֶת־	יְדֵיהֶם	עַל־	רֹאשׁ	הָאָיִל׃
—	tay–họ	trên	đầu	chiên–đực
H0853	H3027			

Người cũng biểu đem con chiên đực thứ nhì lại gần, tức là con chiên đực về lễ phong chức; A-rôn và các con trai người nhận tay mình trên đầu con chiên đực đó.

23

וַיִּשְׁחָט	וַיִּקַּח	מֹשֶׁה	מִדָּמוֹ	וַיִּתֵּן	עַל־	תְּנוּךְ	אֹזֶן־	אַהֲרֹן	הַיְמָנִית	וְעַל־
và–giết	và–lấy	Môi-se	từ–huyết–nó	và–đặt	trên	trái–tai	tai	A-rôn	bên–phải	và–trên
	H3947	H4872	H1818	H5414		H8571	H0241	H0175	H3233	

בֹּהֶן	יָדוֹ	הַיְמָנִית	וְעַל־	בֹּהֶן	רַגְלוֹ	הַיְמָנִית׃
ngón–cái	tay–nó	bên–phải	và–trên	ngón–cái	chân–nó	bên–phải
H0931	H3027	H3233		H0931	H7272	H3233

Môi-se giết nó, lấy huyết bôi trên trái tai hữu của A-rôn, trên ngón cái của bàn tay mặt và trên ngón cái của bàn chân mặt.

24

וַיַּקְרֵב	אֶת־	בְּנֵי	אַהֲרֹן	וַיִּתֵּן	מֹשֶׁה	מִן־	הַדָּם	עַל־	תְּנוּךְ	אָזְנָם
và–dâng	—	các–con–trai	A-rôn	và–đặt	Môi-se	từ	huyết	trên	trái–tai	tai–họ
H7126	H0853		H0175	H5414	H4872		H1818		H8571	H0241

הַיְמָנִית	וְעַל־	בֹּהֶן	יָדָם	הַיְמָנִית	וְעַל־	בֹּהֶן	רַגְלָם	הַיְמָנִית	וַיִּזְרֹק
bên–phải	và–trên	ngón–cái	tay–họ	bên–phải	và–trên	ngón–cái	chân–họ	bên–phải	và–rảy
H3233		H0931	H3027	H3233		H0931	H7272	H3233	H2236

מֹשֶׁה	אֶת־	הַדָּם	עַל־	הַמִּזְבֵּחַ	סָבִיב׃
Môi-se	—	huyết	trên	bàn–thờ	chung–quanh
H4872	H0853	H1818		H4196	H5439

Môi-se cũng biểu các con trai A-rôn đến gần, bôi huyết nơi trái tai hữu họ, trên ngón cái của bàn tay mặt và trên ngón cái của bàn chân mặt; đoạn, Môi-se rưới huyết chung quanh trên bàn thờ.

25 וַיִּקַּח và–lấy H3947 · אֶת־ — H0853 · הַחֵלֶב mỡ H2459 · וְאֶת־ và H0853 · הָאַלְיָה הָאַלְיָה H0451 · וְאֶת־ và H0853 · כָּל־ mọi H3605 · הַחֵלֶב mỡ H2459 · אֲשֶׁר mà · עַל־ trên · הַקֶּרֶב lòng–ruột H7130 · וְאֵת và H0853
יֹתֶרֶת tấm–mỡ–che H3508 · הַכָּבֵד gan H3516 · וְאֶת־ và H0853 · שְׁתֵּי hai H8147 · הַכְּלָיֹת trái–cật H3629 · וְאֶת־ và H0853 · חֶלְבְּהֶן mỡ–họ H2459 · וְאֵת và H0853 · שׁוֹק đùi H7785 · הַיָּמִין׃ bên–phải H3225

> Kế đó, người lấy mỡ, đuôi, hết thảy mỡ chài, tấm da mỏng bọc gan, hai trái cật với mỡ của hai trái cật và cái giò hữu;

26 וּמִסַּל và–từ–giỏ H5536 · הַמַּצּוֹת bánh–không–men H4682 · אֲשֶׁר mà · לִפְנֵי trước–mặt H6440 · יְהוָה Đức–Giê-hô-va H3068 · לָקַח lấy H3947 · חַלַּת bánh H2471 · מַצָּה bánh–không–men H4682
אַחַת một H0259 · וְחַלַּת và–bánh H2471 · לֶחֶם bánh H3899 · שֶׁמֶן dầu H8081 · אַחַת một H0259 · וְרָקִיק וְרָקִיק H7550 · אֶחָד một H0259 · וַיָּשֶׂם và–đặt · עַל־ trên · הַחֲלָבִים mỡ H2459 · וְעַל và–trên · שׁוֹק đùi H7785
הַיָּמִין׃ bên–phải H3225

> lại lấy trong giỏ bánh không men để trước mặt Đức Giê-hô-va, một cái bánh nhỏ không men, một cái bánh nhỏ có dầu, và một cái bánh tráng, để mấy bánh đó trên những mỡ và giò hữu,

27 וַיִּתֵּן và–đặt H5414 · אֶת־ — H0853 · הַכֹּל tất–cả H3605 · עַל trên · כַּפֵּי bàn–tay H3709 · אַהֲרֹן A-rôn H0175 · וְעַל và–trên · כַּפֵּי bàn–tay H3709 · בָנָיו các–con–trai
וַיָּנֶף và–đưa–qua–đưa–lại · אֹתָם chúng H0853 · תְּנוּפָה lễ–dâng–do–đưa–qua–đưa–lại H8573 · לִפְנֵי trước–mặt H6440 · יְהוָה׃ Đức–Giê-hô-va H3068

> đoạn để hết thảy trong tay A-rôn và tay các con trai người; họ đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va.

28 וַיִּקַּח và–lấy H3947 · מֹשֶׁה Môi-se H4872 · אֹתָם chúng H0853 · מֵעַל trên · כַּפֵּיהֶם bàn–tay–họ H3709 · וַיַּקְטֵר và–đốt–xông · הַמִּזְבֵּחָה bàn–thờ–nó H4196 · עַל־ trên · הָעֹלָה của–lễ–thiêu
מִלֻּאִים lễ–phong–chức H4394 · הֵם họ H1992 · לְרֵיחַ cho–mùi H7381 · נִיחֹחַ thơm H5207 · אִשֶּׁה của–lễ–dùng–lửa H0801 · הוּא ấy H1931 · לַיהוָה׃ cho–Đức–Giê-hô-va H3068

> Môi-se lấy các món đó khỏi tay họ, đem xông nơi bàn thờ tại trên của lễ thiêu; ấy là của lễ về sự phong chức có mùi thơm, tức là của lễ dùng lửa dâng cho Đức Giê-hô-va.

29 וַיִּקַּח và–lấy H3947 · מֹשֶׁה Môi-se H4872 · אֶת־ — H0853 · הֶחָזֶה ngực H2373 · וַיְנִיפֵהוּ và–đưa–qua–đưa–lại–nó · תְנוּפָה lễ–dâng–do–đưa–qua–đưa–lại H8573 · לִפְנֵי trước–mặt H6440
יְהוָה Đức–Giê-hô-va H3068 · מֵאֵיל từ–chiên–đực · הַמִּלֻּאִים lễ–phong–chức H4394 · לְמֹשֶׁה cho–Môi-se H4872 · הָיָה là H1961 · לְמָנָה לְמָנָה H4490 · כַּאֲשֶׁר như–như · צִוָּה truyền–lệnh H6680
יְהוָה Đức–Giê-hô-va H3068 · אֶת־ — H0853 · מֹשֶׁה׃ Môi-se H4872

> Môi-se cũng lấy cái o của con chiên đực về lễ phong chức và đưa qua đưa lại trước mặt Đức Giê-hô-va; ấy là phần thuộc về Môi-se, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn người.

30

וַיִּקַּח	מֹשֶׁה	מִשֶּׁמֶן	הַמִּשְׁחָה	וּמִן־	הַדָּם	אֲשֶׁר	עַל־	הַמִּזְבֵּחַ	וַיַּז	עַל־
và–lấy	Môi-se	từ–dầu	dầu–xức	và–từ	huyết	mà	trên	bàn–thờ	và–rảy	trên
H3947	H4872	H8081			H1818			H4196		

אַהֲרֹן	עַל־	בְּגָדָיו	וְעַל־	בָּנָיו	וְעַל־	בִּגְדֵי	בָנָיו	אִתּוֹ
A-rôn	trên	áo–nó	và–trên	các–con–trai	và–trên	áo	các–con–trai	với–nó
H0175								H0854

וַיְקַדֵּשׁ	אֶת־	אַהֲרֹן	אֶת־	בְּגָדָיו	וְאֶת־	בָּנָיו	וְאֶת־	בִּגְדֵי
và–biệt–riêng–ra–thánh	—	A-rôn	—	áo–nó	và	các–con–trai	và	áo
H6942	H0853	H0175	H0853		H0853		H0853	

בָנָיו	אִתּוֹ׃
các–con–trai	với–nó
	H0854

> Kế ấy, Môi-se lấy dầu xức và huyết trên bàn thờ rảy trên A-rôn và trên quần áo người, trên các con trai người và trên quần áo họ, biệt A-rôn và quần áo người, các con trai người và quần áo họ riêng ra thánh.

31

וַיֹּאמֶר	מֹשֶׁה	אֶל־	אַהֲרֹן	וְאֶל־	בָּנָיו	בַּשְּׁלוּ	אֶת־	הַבָּשָׂר	פֶּתַח	אֹהֶל	מוֹעֵד
và–nói	Môi-se	đến	A-rôn	đến	các–con–trai	nấu	—	thịt	cửa	lều	hội–họp
H0559	H4872	H0413	H0175	H0413		H1310	H0853	H1320	H6607	H0168	H4150

וְשָׁם	תֹּאכְלוּ	אֹתוֹ	וְאֶת־	הַלֶּחֶם	אֲשֶׁר	בְּסַל	הַמִּלֻּאִים	כַּאֲשֶׁר	צִוֵּיתִי
và–ở–đó	ăn	nó	và	bánh	mà	trong–giỏ	lễ–phong–chức	như–như	truyền–lệnh
H8033	H0398	H0853	H0853	H3899		H5536	H4394		H6680

לֵאמֹר	אַהֲרֹן	וּבָנָיו	יֹאכְלֻהוּ׃
cho–nói	A-rôn	và–các–con–trai	ăn–nó
H0559	H0175		H0398

> Đoạn, Môi-se nói cùng A-rôn và các con trai người rằng: Các người hãy nấu thịt tại cửa hội mạc, và ăn tại đó với bánh ở trong giỏ về lễ phong chức, y như ta đã phán dặn rằng: A-rôn và các con trai người sẽ ăn thịt đó.

32

וְהַנּוֹתָר	בַּבָּשָׂר	וּבַלָּחֶם	בָּאֵשׁ	תִּשְׂרֹפוּ׃
và–còn–lại	trong–thịt	và–trong–bánh	trong–lửa	đốt
H3498	H1320	H3899	H0784	H8313

> Nhưng các ngươi phải thiêu thịt và bánh còn dư lại.

33

וּמִפֶּתַח	אֹהֶל	מוֹעֵד	לֹא	תֵצְאוּ	שִׁבְעַת	יָמִים	עַד	יוֹם	מְלֹאת	יְמֵי
và–từ–cửa	lều	hội–họp	không	ra	bảy	ngày	cho–đến	ngày	đầy	ngày
H6607	H0168	H4150	H3808	H3318	H7651	H3117	H5704	H3117	H4390	H3117

מִלֻּאֵיכֶם	כִּי	שִׁבְעַת	יָמִים	יְמַלֵּא	אֶת־	יֶדְכֶם׃
lễ–phong–chức–các–ngươi	vì	bảy	ngày	đầy	—	tay–các–ngươi
H4394		H7651	H3117	H4390	H0853	H3027

> Trong bảy ngày các ngươi không nên đi ra khỏi cửa hội mạc cho đến chừng nào những ngày phong chức mình được trọn rồi, vì việc phong chức các ngươi sẽ trải qua bảy ngày.

34

כַּאֲשֶׁר	עָשָׂה	בַּיּוֹם	הַזֶּה	צִוָּה	יְהוָה	לַעֲשֹׂת	לְכַפֵּר
như–như	làm	trong–ngày	này	truyền–lệnh	Đức–Giê-hô-va	cho–làm	cho–chuộc–tội
		H3117	H2088	H6680	H3068		

עֲלֵיכֶם׃
trên–các–ngươi

> Đức Giê-hô-va đã phán dặn làm y như hôm nay người ta đã làm, để làm lễ chuộc tội cho các ngươi.

35

וּפֶ֨תַח	אֹ֩הֶל	מוֹעֵ֜ד	תֵּשְׁב֨וּ	יוֹמָ֤ם	וָלַ֙יְלָה֙	שִׁבְעַ֣ת	יָמִ֔ים	וּשְׁמַרְתֶּ֛ם	אֶת־	מִשְׁמֶ֥רֶת
và–cửa	lều	hội–họp	ở	Hy-lạp	và–đêm	bảy	ngày	và–giữ	—	nhiệm–vụ
H6607	H0168	H4150	H3427	H3119	H3915	H7651	H3117	H8104	H0853	H4931

יְהוָ֖ה	וְלֹ֣א	תָמ֑וּתוּ	כִּי־	כֵ֖ן	צֻוֵּֽיתִי׃
Đức–Giê-hô-va	và–không	chết	vì	vì–vậy	truyền–lệnh
H3068	H3808	H4191			H6680

> Vậy, hãy ở trọn ngày cả đêm tại cửa hội mạc trong bảy bữa, gìn giữ mạng lịnh của Đức Giê-hô-va, hầu cho các ngươi khỏi thác, vì Ngài đã truyền dặn ta như vậy.

36

וַיַּ֥עַשׂ	אַהֲרֹ֖ן	וּבָנָ֑יו	אֵ֚ת	כָּל־	הַדְּבָרִ֔ים	אֲשֶׁר־	צִוָּ֥ה	יְהוָ֖ה
và–làm	A-rôn	và–các–con–trai	—	mọi	lời	mà	truyền–lệnh	Đức–Giê-hô-va
	H0175		H0853	H3605	H1697		H6680	H3068

בְּיַד־	מֹשֶֽׁה׃	ס
trong–tay	Môi-se	—
H3027	H4872	

> A-rôn và các con trai người làm mọi điều y như Đức Giê-hô-va cậy Môi-se truyền dặn vậy.